

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 4 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Khắc Tân
- Bà Hà Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường- Thư ký Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nụ- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2024/TLST HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 301/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Bích N; nơi cư trú: Số C N P, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Việt C; nơi cư trú: Số E Đ, phường H (cũ là phường Đ), quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa, nguyên đơn (chị Phạm Bích N) trình bày: Tôi cùng anh Trần Việt C tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ (nay là phường H), quận L, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/01/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C thường xuyên vắng nhà, hay nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với gia đình, con cái, không chia sẻ công việc nhà với tôi, kể cả việc vay nợ nhiều người, khi những người này đến đòi nợ hoặc điện thoại cho tôi thì gia đình mới biết. Sau nhiều lần gia đình và hai bên nói chuyện, hòa giải nhưng vẫn không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, nên từ tháng 6 năm 2023, tôi cùng 02 con chung đã về nhà mẹ tôi sinh sống ở số nhà C Nam P, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, chúng tôi đã sống ly thân từ đó đến nay. Vào tháng 12/2023, tôi đã làm đơn gửi Tòa án xin ly hôn anh C và đã được Tòa án hòa giải. Sau đó tôi đã rút đơn để hai bên cùng có thời gian thấu hiểu, mong anh C thay đổi. Tuy nhiên trong thời gian đó, anh C không có sự thay đổi nào. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, nay đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C.

- Về con chung: Tôi và anh C có 02 con chung là Trần Linh C1, sinh ngày 19/5/2014 và Trần Linh N1, sinh ngày 13/9/2015. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu đến 18 tuổi, vì các cháu hiện đang ở với tôi và các cháu đều có nguyện vọng ở cùng tôi. Về cấp dưỡng nuôi con, tôi và anh C tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung hay công nợ: Tôi và anh C không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng cho bị đơn (anh Trần Việt C) nhưng anh C chỉ có mặt một lần tại Tòa án trình bày quan điểm tại bản tự khai, còn các buổi làm việc khác anh C đều vắng mặt không có lý do. Tại bản tự khai bị đơn (anh Trần Việt C) trình bày:

Tôi và chị Phạm Bích N xây dựng gia đình với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ (nay là phường H), quận L, thành phố Hải Phòng ngày 14/01/2014.

Về quan hệ tình cảm: Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi thay đổi công việc dẫn đến khó khăn về kinh tế và cũng do có nhiều thời gian rảnh rỗi nên thỉnh thoảng có tụ tập bạn bè ăn uống dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Mặc dù tôi cũng đã trao đổi với chị N về công việc của tôi là sẽ tăng thu nhập để ổn định cuộc sống như trước đây vì từ khi kết hôn tôi là người lo toan chính trong gia đình. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên can nhưng chị N không đồng ý. Sau đó chị N đưa cả hai con chung về nhà mẹ đẻ sinh sống, tôi đã chủ động nói chuyện với gia đình hai bên để hòa giải hai

vợ chồng về với nhau nhưng không được. Từ đó đến nay tôi luôn nghĩ về vợ và hai con, tôi không đồng ý ly hôn với chị N vì thời điểm này lo được cho vợ và các con.

Về con chung: Tôi và chị N có 02 con chung là Trần Linh C1, sinh ngày 19/5/2014 và Trần Linh N1, sinh ngày 13/9/2015. Nếu ly hôn tôi và chị N đều nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Về cấp dưỡng nuôi con tôi và chị N tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Nếu ly hôn, tôi và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 26/02/2025, đại diện tổ dân phố số A, phường H, nơi anh C cư trú cung cấp như sau: Anh Trần Việt C và chị Phạm Bích N có sinh sống ở địa bàn tôi quản lý. Qua nắm bắt tại khu vực và phản ánh của những người dân cư trú trong tổ thì anh C và chị N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ (nay là phường H), quận L, thành phố Hải Phòng vào năm 2014 và đã có 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2023 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày và về kinh tế dẫn đến hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi, chị N đã về gia đình mẹ đẻ, đại diện khu dân cư đã khuyên can hai bên nhưng không có kết quả. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh C, bà đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, chị N và anh C có 02 con chung là Trần Linh C1, sinh ngày 19/5/2014 và Trần Linh N1, sinh ngày 13/9/2015. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án căn cứ theo ý kiến hai bên, theo nguyện vọng của hai cháu và theo pháp luật địa phương không có ý kiến gì. Về tài sản và công nợ chung, bà không nắm được hai bên có tài sản chung hay không nên bà đại diện địa phương không có ý kiến gì.

Tại biên bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng con chung: Cháu Trần Linh C1, sinh ngày 19/5/2014 và cháu Trần Linh N1, sinh ngày 13/9/2015 đều có nguyện vọng được ở cùng với chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng; bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Bích N được ly hôn anh Trần Việt C. Về con chung: Giao con chung Trần Linh C1, sinh ngày 19/5/2014 và Trần Linh N1, sinh ngày 13/9/2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Hai bên không có tài sản chung hay công nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Chị Phạm Bích N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trần Việt C, xét thấy anh C cư trú trên địa bàn quận L, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã nhận được các văn bản Tòa án giao theo đúng quy định pháp luật; qua đó cho thấy anh C đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Phạm Bích N và anh Trần Việt C tuân thủ đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai của hai bên đều thừa nhận quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn nhưng đều là người hiểu biết nên hai bên không đánh cãi chửi nhau hay làm ầm ĩ để gây mất trật tự an ninh khu dân cư. Cả hai bên đều khẳng định mâu thuẫn từ năm 2022 và vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2023 không còn quan hệ với nhau về tình cảm, kinh tế. Nay chị N xin ly hôn anh C, anh C không đồng ý với lý do thời điểm hiện tại đã lo toan được cho vợ con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thừa nhận của hai bên đã có mâu thuẫn từ nhiều năm nay, vợ chồng không quan hệ gì với nhau về tình cảm từ năm 2023 và kinh tế; điều này đã thể hiện tình trạng mâu thuẫn của hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài thực tế chị N và anh C đã sống mỗi người một nơi không còn quan tâm trách nhiệm gì với nhau; nay chị N xin ly hôn, anh C không đồng ý nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh C không đến Tòa án ngay cả

phiên họp hoà giải, điều này cho thấy anh C không thiện chí để hai bên hàn gắn tình cảm, bỏ mặc tình trạng hôn nhân ngày càng xấu đi; qua đó cũng cho thấy mục đích hôn nhân của hai bên không đạt được; xét việc chị N xin ly hôn anh C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh C có 02 con chung là Trần Linh C1, sinh ngày 19/5/2014 và Trần Linh N1, sinh ngày 13/9/2015 hiện đang ở cùng chị từ khi hai bên ly thân nhau mỗi người một nơi; nay ly hôn chị N đề nghị giao các con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu C1, cháu N1 và ý kiến của anh C cũng như ý kiến của chính quyền địa phương, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên giao cháu Trần Linh C1 và Trần Linh N1 cho chị N tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N và anh C có ý kiến sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Hai bên trình bày không có tài sản chung nên không đề nghị giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm đề sung quỹ Nhà Nước theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Bích N được ly hôn anh Trần Việt C.
2. Về con chung: Giao con chung Trần Linh C1, sinh ngày 19/5/2014 và Trần Linh N1, sinh ngày 13/9/2015 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền này chị N đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0003434 ngày 08/10/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Căn cứ vào Điều 2, 26 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- UBND P. Hàng Kênh, Q. Lê Chân,
- Tp. Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc